

Số: 23 / QĐ-BDT

Bình Phước, ngày 18 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v giao dự toán bổ sung thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023

TRƯỞNG BAN DÂN TỘC

Căn cứ Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 06/03/2023 của UBND tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 09/03/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn 1003/STC-HCSN ngày 12/04/2023 của Sở Tài chính tỉnh về Tổng hợp nhu cầu rút vốn Chương trình mục tiêu quốc gia bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương năm 2023;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao dự toán bổ sung thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán bổ sung thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 được giao, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng thuộc Ban Dân tộc và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KNNN tỉnh;
- Lưu: VT, KT.



TRƯỞNG BAN

Lý Trọng Nhân

Chương: 483



DỰ TOÁN BỔ SUNG THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Đơn vị: BAN DÂN TỘC TỈNH BÌNH PHƯỚC

Mã số: 1080446

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
	
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.372.000.000
1	Chi quản lý hành chính	5.372.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	



1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.372.000.000
-	Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị (Loại 340- khoản 341 - Mã CTMT: 00510 - 00513)	547.000.000
-	Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (Loại 340 - khoản 341 - Mã CTMT: 00510 - 00515)	2.300.000.000
-	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (Loại 340 - khoản 341 - Mã CTMT: 00510 - 00516)	404.000.000
-	Chăm sóc sức khoẻ nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Loại 340 - khoản 341 - Mã CTMT: 00510 - 00517)	197.000.000
-	Thực hiện Bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (Loại 340 - khoản 341 - Mã CTMT: 00510 - 00518)	222.000.000
-	Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng ĐB DTTS, kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình (Loại 340 - khoản 341 - Mã CTMT: 00510 - 00521)	1.702.000.000
2	Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	

Ghi chú: (1) Trường hợp theo quy định phải giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương, thì bổ sung thêm chỉ tiêu tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo từng lĩnh vực và nhiệm vụ chi.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 339 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 06 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 (Đợt 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 và giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023, tỉnh Bình Phước.

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 446/STC-HCSN ngày 27/2/2023;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 (Đợt 1) cho các địa phương, đơn vị với số tiền 53.895 triệu đồng (Năm mươi ba tỷ, tám trăm chín mươi lăm triệu đồng), cụ thể như sau:



1.1 Các sở, ngành:	11.159 triệu đồng
- Ban Dân tộc:	5.372 triệu đồng
- Sở Thông tin và Truyền thông:	205 triệu đồng
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:	4.178 triệu đồng
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:	449 triệu đồng
- Liên minh Hợp tác xã:	689 triệu đồng
- Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh:	266 triệu đồng
1.2 Các địa phương:	42.736 triệu đồng
- Huyện Bù Đốp:	2.438 triệu đồng
- Huyện Bù Đăng:	8.373 triệu đồng
- Huyện Bù Gia Mập:	10.985 triệu đồng
- Huyện Đồng Phú:	3.127 triệu đồng
- Huyện Hớn Quản:	1.152 triệu đồng
- Huyện Phú Riềng:	1.228 triệu đồng
- Huyện Lộc Ninh:	12.927 triệu đồng
- Thị xã Chơn Thành:	52 triệu đồng
- Thị xã Bình Long:	2.454 triệu đồng

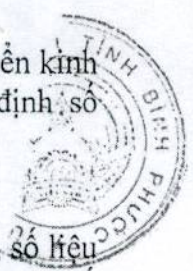
Phân bổ chi tiết: Theo Công văn số 446/STC-HCSN ngày 27/02/2023 của Sở Tài chính.

Nguồn kinh phí: Từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh.

Điều 2.

- Sở Tài chính, Ban Dân tộc chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, số liệu báo cáo, đề xuất. Đồng thời, phối hợp với các địa phương, đơn vị tham mưu bố trí vốn đối ứng vốn ngân sách địa phương đúng theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Các sở, ngành khẩn trương triển khai các chương trình, dự án theo nhiệm vụ được giao, theo đúng hướng dẫn của bộ, ngành chủ quản; quản lý và sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, báo cáo về Ban Dân tộc tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến của bộ, ngành trung ương.



- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thực hiện đối ứng nguồn vốn của ngân sách huyện, thị xã theo đúng quy định; khẩn trương triển khai thực hiện các chương trình, dự án; quản lý và sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực.

Điều 3. Các ông/bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Liên minh Hợp tác xã, Ban Dân tộc; UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, phòng: TH, KGVX;
- Lưu: VT(M.Anh).



TỔNG HỢP NHU CẦU RÚT VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 51/2022/TT-BTC ngày 11/8/2022 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 (Đợt 1);

Căn cứ chế độ tiêu chuẩn, định mức chi NSNN hiện hành;

Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc tỉnh; Chương 483 - Loại 340 - Khoản 341

ĐVT: 1.000 đồng

Mã số CTMT	Mã số tiêu chương trình, nhiệm vụ, dự án thuộc từng CTMT	Nội dung	Dự toán giao (Gồm cả số đã ứng, số tạm cấp)	Khối lượng thực hiện theo kế hoạch vốn, dự án ngân sách đã được giao đến thời điểm báo cáo và số tạm ứng theo chế độ theo thanh toán	Số đã rút dự toán đến thời điểm báo cáo (Gồm cả số đã ứng, số tạm cấp)	Dự kiến nhu cầu vốn để thực hiện 30 ngày tiếp theo	Số đề nghị rút dự toán
		Tổng số	5.372.000				5.372.000
00510	00513	Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	547.000				547.000
00510	00515	Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	2.300.000				2.300.000

NAM

00510	00516	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	404.000				404.000
00510	00517	Chăm sóc sức khoẻ nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	197.000				197.000
00510	00518	Thực hiện Bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	222.000				222.000
00510	00521	Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng ĐB DTTS, kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	1.702.000				1.702.000

Số tiền bằng chữ: Năm tỷ, ba trăm bảy mươi hai triệu đồng

Nguồn kinh phí: giao tại Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tài chính, đề nghị đơn vị thực hiện nhiệm vụ chi theo nội dung chi đã được thẩm định.

Nơi nhận:

- KBNN tỉnh
- Lưu: VT, NS, TC-HCSN (Nhi).



Nguyễn Thụy Phương Thảo